

Bản án số: **66/2019/HC-PT**

Ngày: 21-5-2019

V/v: *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Thông;

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Kim Nhân;

Ông Mai Xuân Thành.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Văn Thị Mỹ Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Phước Thạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 73/2019/TLPT-HC ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc: *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực quản lý đất đai”*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2018/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 353/2019/QĐXXPT-HC ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:***

Ông Nguyễn Công S, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

## **2. Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Trung T- Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Văn P1 - Chủ tịch UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

## **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hà Hoàng Việt P2 - Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hoàng Minh T1 - Trưởng Phòng Quản lý dự án 2, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền số 134/QĐ-BQL ngày 23-5-2018). Có mặt.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1949. Vắng mặt.

Địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Lê Văn K, sinh năm 1936. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện ông Nguyễn Công S trình bày:*

Hành vi hành chính của UBND huyện T, UBND xã N, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ cho người được ủy quyền là ông Lê Văn B theo Giấy ủy quyền lập ngày 22-11-2014 và hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã N trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất ngày 30-6-2016 đối với gia đình ông là trái pháp luật vì:

Ông và bà Lê Thị L kết hôn năm 2002 và chưa ly hôn. Nhà ở, vật kiến trúc trên đất bị thu hồi được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân vào các năm 2006, 2007, nên đây là tài sản chung của vợ chồng ông bà. Bản thân ông S không bị mất năng lực hành vi dân sự và ông cũng không ủy quyền cho vợ nhận tiền bồi thường, nhưng bà L tự ý làm giấy ủy quyền cho ông Lê Văn B nhận tiền bồi thường nhà, vật kiến trúc thuộc sở hữu chung của vợ chồng là không đúng quy định của pháp luật.

Hành vi tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện T, UBND xã N vào ngày 30-6-2016 là trái pháp luật đặc biệt nghiêm trọng, vi phạm thủ tục cưỡng chế thu hồi đất được quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông bởi vì:

Chủ tịch UBND huyện T, UBND xã N cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất khi chưa đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013. Cụ thể: Chưa niêm yết công khai quyết định cưỡng chế và ông S chưa nhận được quyết định cưỡng chế mà Chủ tịch UBND huyện T, UBND xã N tự ý thực hiện cưỡng chế là sai pháp luật nghiêm trọng.

Chủ tịch UBND huyện T, UBND xã N cưỡng chế sai trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Nay ông yêu cầu Tòa án xét xử:

1. Tuyên bố các hành vi hành chính sau đây là trái pháp luật:

- Hành vi hành chính của UBND huyện T, UBND xã N, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ cho người được ủy quyền ông là ông Lê Văn B theo Giấy ủy quyền lập ngày 22-11-2014.

- Hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã N trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất ngày 30-6-2016 đối với gia đình ông Nguyễn Công S.

2. Hủy toàn bộ Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 07-4-2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công S.

3. Buộc UBND huyện T, UBND xã N, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi phải bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra trong việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ cho người được ủy quyền là ông Lê Văn B theo Giấy ủy quyền lập ngày 22-11-2014 (chi trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Công S tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ).

4. Buộc Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã N phải trả lại cho gia đình ông Nguyễn Công S những tài sản mà lực lượng cưỡng chế đã thu giữ trái pháp luật trong khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, nếu không trả được bằng tài sản thì phải bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Công S với tổng giá trị tài sản bị thu giữ trái pháp luật quy ra tiền bị thiệt hại là 113.505.000đ (Một trăm mười ba triệu, năm trăm lẻ năm ngàn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã N trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất ngày 30-6-2016 đối với gia đình ông là trái pháp luật; đồng thời yêu cầu UBND xã N trả lại cho gia đình ông những tài sản mà lực lượng cưỡng chế đã thu giữ trái pháp luật trong khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất vào ngày 30-6-2016.

Ông S xin rút các yêu cầu khởi kiện sau đây:

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T, UBND xã N, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ cho người được ủy quyền ông là ông Lê Văn B theo Giấy ủy quyền lập ngày 22-11-2014 là trái pháp luật;

- Hủy toàn bộ Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 07-4-2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công S.

- Buộc UBND huyện T, UBND xã N, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi phải bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra trong việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ cho người được ủy quyền là ông Lê Văn B theo Giấy ủy quyền lập ngày 22-11-2014 (chi trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Công S tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ).

- Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã N phải bồi thường cho gia đình ông với tổng giá trị tài sản bị thu giữ trái pháp luật quy ra tiền bị thiệt hại là 113.505.000đ (Một trăm mười ba triệu, năm trăm lẻ năm ngàn đồng).

***Ý kiến của UBND huyện T và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện T trình bày:***

Sau năm 1975 ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị L đều sinh sống ở xã N, huyện T. Tháng 8-2003 ông Lê Văn K cùng vợ chồng ông Lê Công D và bà Trương Thị L1 đến xã N để nhận con về cưu mang, giúp đỡ và tạo điều kiện cho làm ăn, sinh sống.

Ngày 03-8-2003 ông Lê Văn K viết giấy tay tặng cho đất có nội dung: Tặng cho bà L, ông S một diện tích đất có chiều ngang 9,5m, chiều dài 30m, tọa lạc thôn P, xã N. Đến năm 2006 vợ chồng ông S bà L làm nhà ở. Năm 2011 thực hiện dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi thì diện tích đất này nằm trong dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Ngày 06-10- 2014 Chủ tịch UBND huyện T có quyết định số 3788/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đợt 4 đoạn qua xã N, trong đó có diện tích đất và nhà của ông S, bà L.

Về thu hồi, bồi thường và vật kiến trúc:

Căn cứ Quyết định số 4056/QĐ-UBND ngày 03-11-2014 của UBND huyện T về việc thu hồi đất đợt 4 của các hộ gia đình, cá nhân và đất công ích tại UBND xã N để thực hiện dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi kèm theo bảng phụ lục thống kê chủ sử dụng đất, loại đất và diện tích đất thu hồi đợt 4 đoạn qua thôn P, xã N theo thứ tự 02, chủ sử dụng đất là ông Lê Văn K nhận tiền bồi thường gồm 02 thửa, trong đó có thửa 866, tờ bản đồ số 4, diện tích 249,8m<sup>2</sup>, loại đất HNK đất màu, đất nằm trong quy hoạch 195,5m<sup>2</sup>, đất ngoài quy hoạch 54,6m<sup>2</sup>. Số tiền bồi thường về đất là 34.722.000đ, ông K ký nhận. Khi lập hồ sơ bồi thường, ông K trực tiếp kê khai toàn bộ diện tích 249,8m<sup>2</sup> và trực tiếp nhận tiền bồi thường. Hồ sơ kê khai bồi thường được niêm yết công khai theo quy định, ông S không có ý kiến gì, cũng không phát sinh đơn khiếu nại.

Theo bản tự khai đất, tài sản bị thiệt hại và Biên bản kiểm kê tài sản bị thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi để thực hiện dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi lập ngày 10-11-2011. Hồ sơ, bản tính chi tiết kinh phí bồi thường nhà ở, vật kiến trúc, hỗ trợ hoa màu, vật nuôi và các khoản hỗ trợ khác cho bà L đợt 4 với tổng số tiền 299.804.600đ.

Theo đó, Ban quản lý dự án công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi căn cứ quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện, ông Lê Văn B đã nhận số tiền 294.805.000đ (bà L ủy quyền nhận tiền cho ông Bốn).

Về công tác GPMB và bảo vệ thi công:

Đề bàn giao mặt bằng đúng tiến độ, theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1658/UBND-CNXD ngày 12-4-2016 về việc tập trung chỉ đạo công tác bồi thường, GPMB dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn qua địa bàn huyện trước ngày 30-4-2016, nếu địa phương nào không hoàn thành theo mốc thời gian nêu trên thì Chủ tịch UBND huyện phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 19-5-2016 Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục có Công văn hỏa tốc số 2439/UBND-CNXD về việc khẩn trương hoàn thành công tác bồi thường, GPMB dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi, trên tinh thần chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình D tại phiên họp lần thứ 13 Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án trọng điểm của ngành Giao thông vận tải tại Thông báo số 85/TB-VPCP ngày 11-5-2016 của Văn phòng Chính phủ thì dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi phải bàn giao mặt bằng trước ngày 30-6-2016. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh và Ban thường vụ Huyện ủy T, Chủ tịch UBND huyện, các ngành, các địa phương tập trung giải quyết, xử lý dứt điểm những tồn tại, vướng mắc để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công trước ngày 30-6-2016.

Ngày 17-6-2016 UBND tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo hỏa tốc số 134/TB-UBND về ý kiến kết luận của đ/c Phạm Trường T, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giải quyết các vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB và phải bàn giao mặt bằng sạch cho đơn vị thi công trước ngày 30-6-2016.

Trước tình hình đó, Huyện ủy, UBND huyện đã thành lập nhiều đoàn công tác phối hợp với từng địa phương tổ chức vận động người dân nhận tiền bồi thường, tháo dỡ vật kiến trúc, cây cối, hoa màu bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công đúng thời gian quy định. Nhiều hộ dân đều chấp hành, riêng hộ ông S cố tình kéo dài thời gian, không chịu tháo dỡ phần mái hiên nhà còn lại tuy đã được nhận tiền bồi thường nhằm mục đích yêu cầu bố trí đất tái định cư cho ông. Yêu cầu của ông đã được giải thích pháp luật, trường hợp của ông không thuộc trường hợp bố trí đất tái định cư. Tuy nhiên, xét điều kiện của gia đình ông S, Chủ tịch UBND huyện xem xét và bố trí cho hộ ông S một lô đất tái định cư, lô đất số 12, diện tích 200m<sup>2</sup> tại khu tái định cư Đ. Đồng thời yêu cầu ông S tháo dỡ nhà, vật

kiến trúc giao mặt bằng cho đơn vị thi công đến ngày 30-5-2016 nhưng ông S xin gia hạn và cam kết tháo dỡ trước ngày 15-6-2016 bàn giao mặt bằng cho dự án. Sau đó, ông S chỉ tháo dỡ phần trước nhà, còn phần mái hiên bếp phía sau ông cho là nằm trên hành lang đường nên ông không dỡ dọn.

Ngày 23-6-2016 UBND xã N tiếp tục mời ông S làm việc và yêu cầu dỡ dọn để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công trước ngày 28-6-2016, nếu ông không chấp hành thì UBND xã tổ chức bảo vệ thi công nhưng ông S vẫn không chấp hành.

Ông S cố tình không chấp hành tháo dỡ phần còn lại để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công ngày 30-6-2016 theo chỉ đạo của tỉnh. UBND xã N xây dựng kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 27-6-2016 kèm theo phương án số 41/PA-UBND về đảm bảo an ninh trật tự, tổ chức thi công đoạn qua thôn P, xã N và đã được UBND huyện T thống nhất phê duyệt tại Công văn số 1593/UBND ngày 29-6-2016. Trước khi bảo vệ thi công, đúng 8h 30 phút ngày 30-6-2016 UBND xã N, Tổ công tác huyện tiếp tục mời ông S làm việc lần cuối cùng và vận động, phân tích, giải thích, quy định thời gian cho ông S phải tự tháo dỡ các công trình còn lại để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công đến 14 giờ ngày 30-6-2016, nhưng ông S vẫn không chấp hành.

Đúng 15 giờ cùng ngày UBND xã, các ban ngành đoàn thể xã, huyện và các cơ quan giám sát như Công an huyện, Viện kiểm sát huyện T chứng kiến. Sau khi công bố các thủ tục liên quan, UBND xã lập biên bản kiểm kê toàn bộ tài sản vật dụng và thuê xe vận chuyển đưa về trụ sở UBND xã quản lý và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công là đúng quy định. Đây không phải cưỡng chế để thu hồi đất và thu hồi tài sản như đơn khởi kiện của ông S.

Sau khi đưa số tài sản trên về UBND xã quản lý, bảo quản UBND xã mời ông S làm việc nhưng ông không chấp hành, UBND xã hai lần thông báo cho Ông S đến nhận tài sản nhưng ông không nhận. Tài sản này hiện nay còn ở tại UBND xã N.

Ngày 10-7-2016 ông S có đơn khiếu nại việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và cho rằng UBND huyện T cưỡng chế thu hồi đất không đúng pháp luật gây mất một số tài sản của ông và yêu cầu giải quyết trả lại cho ông. Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1933/QĐ-UBND ngày 07-4-2017 bác toàn bộ khiếu nại của ông S là đúng pháp luật.

Như vậy, mọi quyền lợi của ông S đều được tôn trọng và bảo vệ đúng pháp luật, việc giải quyết của UBND huyện T đối với trường hợp của ông S là hợp tình, hợp lý, đúng pháp luật.

***Ý kiến của UBND xã N trình bày:***

Về nguồn gốc đất: Nguyên thửa đất số 529, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.465m<sup>2</sup> loại đất màu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê C (cha ông Lê Văn K) vào ngày 11-8-1997, sau đó ông C chết, ông K được thừa kế quyền sử dụng đất vào tháng 10-2008. Năm 2003 ông K lập giấy tờ viết tay cho vợ chồng ông Nguyễn Công S, bà Lê Thị L một phần diện tích 9,5m x 30m về phía tây của thửa đất. Năm 2006 ông S xây nhà trái phép trên thửa đất này.

Đến năm 2010 dự án Vlap đo vẽ bản đồ địa chính thành 02 thửa: Thửa 866, tờ bản đồ số 9, diện tích 249,8m<sup>2</sup> (phần diện tích đất cho vợ chồng ông S, bà L) và thửa 867, tờ bản đồ số 9, diện tích 990,3m<sup>2</sup>. Ông K lập giấy tờ viết tay cho ông Nguyễn Công S vào năm 2003 là không hợp pháp, vì tại thời điểm cho đất thì ông K không phải là chủ sở hữu của thửa đất mà đến năm 2008 ông K mới nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông c để lại. Mặt khác, ông S không có giấy tờ gì để chứng minh phần diện tích đất mà ông sử dụng là tài sản hợp pháp. Như vậy, UBND xã N xác định nguồn gốc thửa đất không thuộc của vợ chồng ông S mà thuộc về ông K nên việc bồi thường về đất cho ông K là có căn cứ pháp lý.

Về việc bồi thường, hỗ trợ nhà ở cho vợ chồng ông S và việc ông S khiếu kiện UBND xã N tổ chức cưỡng chế thu giữ tài sản của ông trái pháp luật và yêu cầu bồi thường tài sản:

Năm 2011 nhà của ông S bà L trúng dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Ban quản lý đã bồi thường toàn bộ nhà ở của vợ chồng ông S và đề nghị ông tháo dỡ nhà ở bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công, ông S chỉ tháo dỡ 2/3 ngôi nhà, phần còn lại ông không chịu tháo dỡ.

Thực hiện Công văn số 198/CV-HU ngày 21-4-2016 của Huyện ủy T về việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thi công dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn qua huyện T.

Thực hiện Thông báo kết luận số 792/TB-UBND ngày 22-6-2016 của UBND huyện T về việc thống nhất trình tự, thủ tục cưỡng chế thu hồi đất, đảm bảo an ninh trật tự thi công dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn qua huyện T.

Thực hiện Công văn số 1593/UBND ngày 29-6-2016 của UBND huyện T về việc thống nhất kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự và triển khai thực hiện thi công dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn qua xã N.

Trên cơ sở đó, UBND xã N lập phương án, kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự khi đơn vị thi công dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn qua xã N vào ngày 30-6-2016, không phải tổ chức cưỡng chế thu giữ tài sản trái pháp luật như ông S khiếu kiện.

UBND xã N và các phòng, ban của huyện T đã trực tiếp làm việc nhiều lần với ông S, vận động ông tháo dỡ phần nhà còn lại giao mặt bằng cho đơn vị thi công trước ngày 30-6-2016 theo chỉ đạo của cấp trên. Tại buổi làm việc ngày 19-5-2016 ông S đã cam kết tháo dỡ phần nhà còn lại trước ngày 15-6-2016 nhưng ông không thực hiện. Ngày 23-6-2016 UBND xã N tiếp tục mời ông S làm việc và yêu cầu ông tháo dỡ phần nhà còn lại giao mặt bằng cho đơn vị thi công nhưng ông S cố tình không thực hiện. Sáng ngày 30-6-2016 UBND xã N và tổ công tác của huyện T trực tiếp làm việc với ông S lần cuối cùng và yêu cầu ông S tháo dỡ phần nhà còn lại, thời gian đến 14 giờ cùng ngày, nếu ông S không chấp hành thì UBND xã N sẽ lập biên bản kiểm đếm tài sản khi đơn vị thi công tháo dỡ phần nhà còn lại của ông nhưng ông S vẫn không chấp hành.

Đến 15 giờ cùng ngày UBND xã N và các phòng, ban của huyện T trực tiếp đến nhà ông S. Khi thấy đoàn công tác đến ông S rời khỏi nhà đi đâu không rõ, UBND xã lập biên bản kiểm đếm tài sản còn lại trong nhà ông S và đưa về trụ sở UBND xã N tạm giữ, bảo quản. Đơn vị thi công tháo dỡ phần nhà còn lại của ông S.

Sau khi thu giữ tài sản của ông S, UBND xã N 03 lần thông báo cho ông đến nhận tài sản nhưng 02 lần ông S vắng mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Lần thứ 03 được biết ông tạm trú tại nhà bà Nguyễn Thị Hạnh T (ở thôn P, xã N) UBND xã trực tiếp đến giao thông báo lần thứ 03 nhưng ông S bận đi làm, bà Truyen nhận thay cho ông S. Ngày 25-11-2016 và ngày 18-4-2017 UBND xã trực tiếp làm việc với ông S và yêu cầu ông nhận lại tài sản nhưng ông cương quyết không nhận.

Việc ông S khiếu kiện bà L ủy quyền cho ông Lê Văn B nhận tiền bồi thường 294.805.000đ là không đúng.

Ngày 22-11-2014 UBND xã N chứng thực chữ ký của bà L và ông Lê Văn B trong giấy ủy quyền, ông B trực tiếp nhận số tiền 294.805.000đ bồi

thường về nhà ở và cũng đã chuyển số tiền này cho bà L. Tại thời điểm này vợ chồng ông S, bà L còn trong thời kỳ hôn nhân nên việc tranh chấp về tiền giữa vợ chồng thì vợ chồng tự giải quyết hoặc khiếu kiện đến Tòa án để được giải quyết theo thẩm quyền.

***Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi và Người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ngày 20-11-2014 Ban quản lý dự án ban hành kế hoạch số 1928/KH-BQL về kế hoạch chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, thời gian thực hiện chi trả vào ngày 22- 11-2014. Tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, bà Lê Thị L vắng mặt và lập Giấy ủy quyền ngày 22-11-2014 cho ông Lê Văn B thay mặt nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 22-11-2014 Ban quản lý lập hồ sơ chi trả tiền cho bà Lê Thị L được ông Lê Văn B ký và nhận thay theo Giấy ủy quyền trên với số tiền 294.805.000đ; đối với số tiền tháo dỡ, bàn giao mặt bằng đúng tiến độ 5.000.000đ không chi trả cho hộ dân bàn giao mặt bằng dự án chậm tiến độ yêu cầu.

Ngày 25-11-2016 UBND xã N phối hợp với UBND xã N tổ chức làm việc với ông Lê Văn B và ông Nguyễn Công S. Theo đó, ông Bốn xác nhận có sự ủy quyền của bà L và đã nhận số tiền trên; đồng thời xác nhận đã dùng số tiền 35.000.000đ để trả các khoản nợ cho vợ chồng ông S, phần tiền còn lại 259.805.000đ giao lại cho bà L. Nội dung này ông S đã thừa nhận là đúng.

Như vậy, việc bà L ủy quyền cho ông Bốn nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và ông Bốn đã giao số tiền trên lại cho bà L là đúng đối tượng được bồi thường, hỗ trợ theo phương án UBND huyện T phê duyệt tại Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 06-10-2014.

Do đó, ông S yêu cầu bồi thường thiệt hại 294.805.000đ cho vợ chồng ông là không có cơ sở. Trường hợp ông muốn chia khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân này thì trực tiếp làm việc với bà L hoặc khởi kiện ra Tòa án để được chia theo quy định.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2018/HC-ST ngày 24/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:**

Căn cứ vào Điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 69, Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 27; Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 17 Nghị

định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 26, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử các yêu cầu khởi kiện sau đây của ông Nguyễn Công S:

- Tuyên bố Hành vi hành chính của UBND huyện T, UBND xã N, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ cho người được ủy quyền ông là ông Lê Văn B theo Giấy ủy quyền lập ngày 22-11-2014 là trái pháp luật;

- Hủy toàn bộ Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 07-4-2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công S.

- Buộc UBND huyện T, UBND xã N, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi phải bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra trong việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ cho người được ủy quyền là ông Lê Văn B theo Giấy ủy quyền lập ngày 22-11-2014 (chi trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Công S tiền bồi thường, hỗ trợ 294.805.000đ).

- Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã N phải bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Công S với tổng giá trị tài sản bị thu giữ trái pháp luật quy ra tiền bị thiệt hại là 113.505.000đ (Một trăm mười ba triệu, năm trăm lẻ năm ngàn đồng);

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công S.

Tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất vào ngày 30-6-2016 đối với gia đình ông Nguyễn Công S là trái pháp luật.

3. Tuyên buộc UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản cho gia đình ông Nguyễn Công S theo số thứ tự từ số 01 đến số 90 tại Biên bản kiểm đếm tài sản vào ngày 30-6-2016. Biên bản kiểm đếm tài sản vào ngày 30-6-2016 là một bộ phận không thể tách rời khỏi bản án này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018 Ông Nguyễn Công S kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm: Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã N trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất vào ngày 30-6-2016 đối với gia đình ông Nguyễn Công S là trái pháp luật. Tuyên buộc Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã N có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản cho gia đình ông Nguyễn Công S, nếu không trả được bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền 113.505.000đồng.

**Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:**

*Ý kiến ông Nguyễn Công S:* Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

*Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Minh Thiện:* Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo qui định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Theo yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Công S không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo ông S, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L ông Lê Văn B và ông Lê Văn K được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã N trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất ngày 30-6-2016 đối với gia đình ông Nguyễn Công S là trái pháp luật:

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, thực hiện dự án xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi đoạn qua xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 03-11-2014 UBND huyện T ban hành Quyết định số 4056/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đợt 4 của các hộ gia đình, cá nhân và đất công ích tại UBND xã N (trong đó có thửa 866, tờ bản đồ số 9, diện tích 249,8m<sup>2</sup> theo bản đồ Vlap đo vẽ năm 2010). Năm 2003 ông Lê Văn K lập giấy tờ viết tay cho vợ chồng ông Nguyễn Công S và bà Lê Thị L một phần diện tích 9,5m x 30m về phía tây của thửa đất. Năm 2006 ông S, bà L xây nhà trái phép trên thửa đất này nhưng không bị các cấp chính quyền xử lý.

[4] Sau khi có Quyết định số 3788/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 4) kèm theo bảng tổng hợp chi phí bồi thường nhà ở, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ khác cho hộ bà Lê Thị L (đợt 4) với tổng số tiền 299.804.600đ. Ông S đã tự nguyện tháo dỡ phần nhà và vật kiến trúc thuộc phần đất sử dụng để thi công đường cao tốc Đà Nẵng- Quảng Ngãi; còn phần nhà và vật kiến trúc thuộc hành lang tuyến ông S không đồng ý tháo dỡ để giao mặt bằng cho đơn vị thi công. Tại Biên bản làm việc ngày 19-5-2016 ông S cam kết sẽ tháo dỡ nhà trước ngày 15-6-2016 để bàn giao mặt bằng cho dự án. Tuy nhiên, ông S không tháo dỡ nên UBND huyện T và UBND xã N nhiều lần vận động, thuyết phục ông S tháo dỡ nhà cửa, vật kiến, cây cối trong diện tích thu hồi đất (đã bồi thường) nhưng ông S vẫn không thực hiện.

[5] Xét thấy, Chủ tịch UBND huyện T không ra quyết định cưỡng chế mà vào ngày 27-6-2016 UBND xã N lại lập Kế hoạch số 16/KH-UBND và Phương án số 41/PA-UBND về đảm bảo an ninh trật tự để tổ chức thi công Dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua xã N, huyện T và vào ngày 30-6-2016 UBND xã N đã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ phần nhà, vật kiến trúc và lập Biên bản kiểm đếm và thu giữ toàn bộ tài sản của gia đình ông S để bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi là không đúng theo quy định tại Điều 69, Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện T. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND xã N là

trái pháp luật là có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Công S buộc UBND xã N trả lại cho gia đình ông các loại tài sản mà lực lượng cưỡng chế đã thu giữ trái phép vào ngày 30-6-2016, nếu không trả được bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền với số tiền là: 113.505.000đồng.

[7] Theo Biên bản kiểm đếm tài sản do UBND xã N lập ngày 30-6-2016 thì toàn bộ tài sản sau khi kiểm đếm được đưa về UBND xã N tạm giữ. Tại Biên bản làm việc ngày 21-11-2018 (có đại diện UBND xã N và ông Nguyễn Công S tham gia) xác định số lượng, chủng loại tài sản hiện đang tạm giữ tại UBND xã N hoàn toàn phù hợp với toàn bộ tài sản được lập theo Biên bản kiểm đếm tài sản ngày 30-6-2016. UBND xã N nhiều lần thông báo để ông S đến nhận lại tài sản nhưng ông S không đến nhận. Theo Biên bản làm việc ngày 25-11-2016, ông S xác định: *“Toàn bộ tài sản của gia đình tôi chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết xong tôi mới đến nhận. Số tài sản mà UBND xã N hiện đang thu giữ nếu có mất mát, hư hỏng thì phải đền”*. Đồng thời, tại Bản trình bày bổ sung ngày 08-8-2018 ông S cũng xác định: *“Sau khi UBND xã N có mời tôi đến xã để nhận lại tài sản, tôi không nhận với lý do không có chỗ nào để vì phần nhà tạm đã bị cưỡng chế”*. Do đó, ông S kháng cáo nếu UBND xã N không trả được tài sản nào bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền là 113.505.000đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Công S, ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[9] Về án phí : Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Công S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

***Vì những lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng Điều 69, Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 26, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.  
Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Công S; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2018/HC-ST ngày 28/11/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công S.

Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất vào ngày 30-6-2016 đối với gia đình ông Nguyễn Công S là trái pháp luật.

3. Tuyên buộc UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản cho gia đình ông Nguyễn Công S theo số thứ tự từ số 01 đến số 90 tại Biên bản kiểm đếm tài sản vào ngày 30-6-2016. Biên bản kiểm đếm tài sản vào ngày 30-6-2016 là một bộ phận không thể tách rời khỏi Bản án này.

4. Về án phí :

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Công S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Công S theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002752 ngày 23-3-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi ; UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ;

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Công S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001393 ngày 04/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thông**